TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 37, 09/09 – 13/09/2024

"Thiếu vắng dòng tiền lớn dẫn dắt"

Tiêu điểm:

- So với tháng 12/2023, CPI Việt Nam tháng 8/2024 tăng 1.89% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3.45%; so với tháng trước, CPI không tăng.
- Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam đạt 52.4 điểm trong tháng Tám, giảm so với mức 54.7 điểm trong tháng Bảy nhưng vẫn cho thấy mức cải thiện mạnh mẽ.
- Theo báo cáo của Bộ Lao động Mỹ, trong tháng 8/2024, CPI đã tăng 0.2% so với tháng trước, phù hợp với dự báo. Nếu so với cùng kỳ, CPI tăng 2.5%, giảm 0.4 điểm phần trăm so với tháng 7 và thấp hơn dự báo tăng 2.6%.

Đánh giá: Diễn biến yếu ớt của thị trường tuần qua phần nào đến từ sự lo lắng của nhà đầu tư về mục tiêu tăng trưởng kinh tế có thể khó đạt được trước cơn bão Yagi tác động đáng kể đến miền Bắc. Tuy nhiên, nếu nhìn vào những số liệu kinh tế vĩ mô tháng 8 trong tuần qua, có rất nhiều điểm sáng đáng chú ý như: Dữ liệu lạm phát thấp tại Mỹ và Việt Nam sẽ là tín hiệu tốt cho việc tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ mở rộng tại Việt Nam; dữ liệu về tỷ giá, PMI, FDI và xuất khẩu vẫn khá tốt. Cùng với việc tăng trưởng kinh tế phần lớn đến từ miền Nam, nên tác động của đợt bão sẽ không ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế của chính phủ.

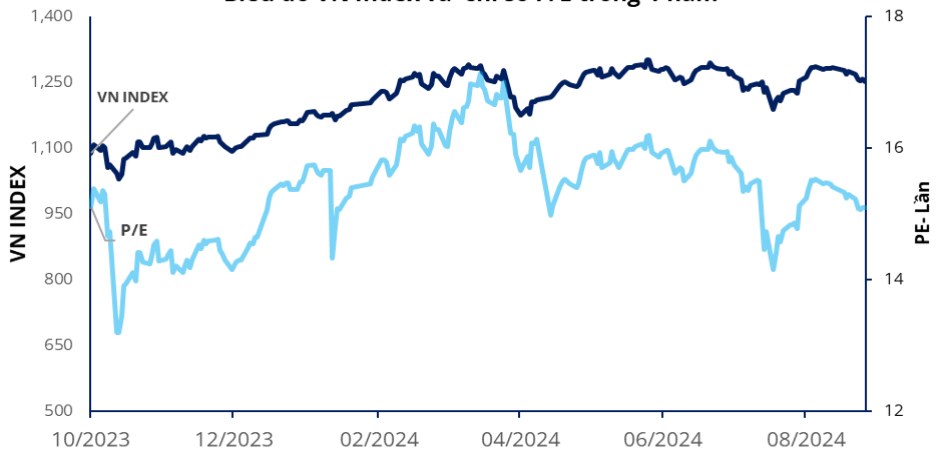
Góc nhìn kĩ thuật: VNINDEX đóng cửa tuần tại 1,251.71 (-22.25 điểm, -1.75%) trên đồ thị tuần với thanh khoản vẫn rất thấp. Các nhóm vốn hóa lớn như ngân hàng và bất động sản vẫn thiếu vòng dòng tiền mua vào. Trên đồ thị ngày, hiện thị trường đang kiểm định lại khu vực 1,250 tương ứng với vùng giá đóng cửa của cây nến bùng nổ thanh khoản ngày 16/08. Trong kịch bản cơ sở thị trường sẽ giao dịch trong vùng 1,240 – 1,250; nếu sau đó VNINDEX có nhịp tăng với thanh khoản tốt sẽ là tín hiệu cho việc mua gia tăng. Nếu thị trường thủng vùng 1,240, nỗ lực tăng điểm của thị trường lại một lần nữa chấm dứt.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư có thể xem xét giải ngân thăm dò với nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng, bất động sản. Điểm mua tốt sẽ nằm trên kênh giá tăng gần vùng hỗ trợ.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,252	-1.7	1.7	-3.8	10.8		15.1	1.7	210
Upcom Index	93	-0.4	0.2	-6.1	6.8		12.6	1.3	59
HNX Index	232	-1.0	1.0	-6.4	0.6		18.4	1.2	12
VN30 Index	1,294	-1.6	2.0	-3.0	14.4		12.0	1.6	147
S&P 500 Index	5,596	3.5	3.0	3.0	17.3		25.5	5.0	49,003
STOXX Europe 600 Index	515	1.6	2.6	-0.3	7.4		15.4	2.1	14,729
Hang Seng	17,369	-0.4	1.1	-4.1	1.9		9.2	1.0	2,586
Nikkei 225	36,582	0.5	1.0	-5.5	9.3		22.1	1.9	4,720
SHCOMP Index	2,704	-2.2	-5.7	-10.7	-9.1		13.1	1.1	5,916
STI Index	3,564	3.2	9.4	7.2	10.0		13.1	1.2	414
KOSPI Index	2,575	1.2	-1.8	-6.5	-3.0		13.2	0.9	1,530

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
☎ (84-28) 5808 7603
✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	3M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Thay đổi GTGD YTD	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-1.8	2.0	-1.1	13.0	-18.6	-23.5	-26.8	-36.3	81.4	-2.4	13.4	1.7	4,530,211
Mid Cap	-1.0	2.2	-3.2	16.5	-2.8	-21.3	-40.9	-49.1	17.6	2.4	17.7	1.2	542,694
Small Cap	-0.9	-0.9	-8.4	-9.1	-15.2	-22.6	-51.9	-57.6	1.0	0.0	-472.7	0.7	60,569

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Thay đổi GTGD YTD	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Công nghệ Thông tin	0.6	2.3	-0.8	54.0	-27.3	-7.4	-43.1	-20.7	4.6	-0.7	27.6	4.7	211,447
Hóa chất	0.3	3.5	1.1	39.2	-20.1	-21.4	-36.4	-34.1	5.7	-0.3	24.7	2.0	245,466
Truyền thông	-0.3	-1.1	-2.7	-24.0	98.6	-3.3	-39.6	-43.8	0.1	0.0	20.5	0.8	1,627
Du lịch và Giải trí	-0.3	0.8	-16.3	18.4	-12.3	-12.8	-50.8	-38.6	1.0	0.0	44.6	10.5	114,289
Xây dựng và vật liệu	-0.5	2.9	-9.7	-2.4	-12.4	-21.9	-35.5	-55.6	3.8	0.2	18.0	1.1	121,786
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.6	0.0	-1.0	17.0	-27.9	-54.5	-50.9	-46.5	1.4	-0.2	14.7	1.8	62,383
Dược và Y tế	-0.9	2.6	2.2	11.9	-4.9	9.7	-18.9	27.6	0.5	0.1	17.0	2.2	38,568
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-1.2	4.3	0.7	27.1	-21.6	-36.8	-60.7	-64.8	3.6	-0.3	17.0	1.4	160,628
Ngân hàng	-1.3	2.1	0.3	16.3	-17.8	-24.1	-33.7	-42.4	19.4	-0.4	9.4	1.5	2,000,229
Tài nguyên cơ bản	-1.4	-1.7	-14.1	-2.6	-16.5	-22.3	-32.2	-41.3	6.8	0.0	16.1	1.3	204,917
Ô tô & Phụ tùng	-1.5	-0.6	-7.2	9.5	-34.9	-44.8	-66.2	-65.6	0.3	-0.1	14.6	1.1	15,996
Thực phẩm và đồ uống	-1.5	0.4	-0.3	5.5	4.1	-11.3	-19.7	-27.6	10.2	2.0	21.9	2.2	444,456
Bán lẻ	-1.5	1.1	4.3	50.3	-6.7	-22.0	-25.8	-27.6	5.3	0.5	48.4	3.8	139,850
Dầu khí	-2.4	-5.6	5.6	22.0	-34.7	-38.9	-40.7	-47.3	1.1	-0.3	19.7	2.5	72,646
Bất động sản	-2.7	7.4	0.7	-1.6	-19.7	-22.4	-13.0	-32.0	21.2	-0.9	6.9	1.1	738,306
Tài chính	-3.0	1.5	-8.8	7.0	-17.8	-26.9	-18.0	-44.4	12.6	-0.2	18.0	1.4	193,898
Bảo hiểm	-5.0	-2.5	-5.6	7.3	48.0	2.6	-25.5	-12.9	0.4	0.2	13.5	1.3	43,716
Tiện ích	-6.0	-4.9	-4.2	4.2	7.8	-22.2	-37.8	-27.8	2.1	0.5	22.1	1.8	309,658

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,797**	-22.5	-85.4	-350.3	-752.1
Nước ngoài	**1,877**	-14.3	-68.6	-335.5	-481.2
VanEck Vectors Vietnam ETF	493	-4.4	-8.2	-11.2	54.3
Fubon FTSE Vietnam ETF	651	-8.5	-45.3	-130.9	-125.8
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	219	0.0	-18.0	-162.6	-403.3
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	292	-1.3	2.9	-16.7	16.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	202	0.0	0.0	-14.1	-16.7
Premia MSCI Vietnam ETF	5	0.0	0.0	0.0	-5.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**920**	-8.2	-16.8	-14.9	-270.9
DCVFMVN Diamond ETF	574	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	285	-3.9	-11.1	-3.1	-107.8
SSIAM VNFIN LEAD ETF	20	-4.3	-6.1	-11.8	-161.2
MAFN VN30 ETF	25	0.0	0.0	-0.3	-2.2
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	0.0	0.0	-2.4
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	7	0.0	0.3	0.3	2.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-26,000	-14,623	-17,979
Ấn độ	830	2,191	6,931	7,280
Indonesia	159	370	2,629	2,202
Nhật Bản*	-6,341	-6,341	-15,634	23,402
Maylaysia	32	215	1,084	911
Philippines	44	66	270	-258
Hàn Quốc	-2,181	-3,736	-4,574	12,554
Sri Lanka	1	0	12	-17
Đài Loan	-1,184	-5,098	-19,180	-14,797
Thái Lan	228	689	472	-2,759
Việt Nam	-42	-90	-545	-2,222

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

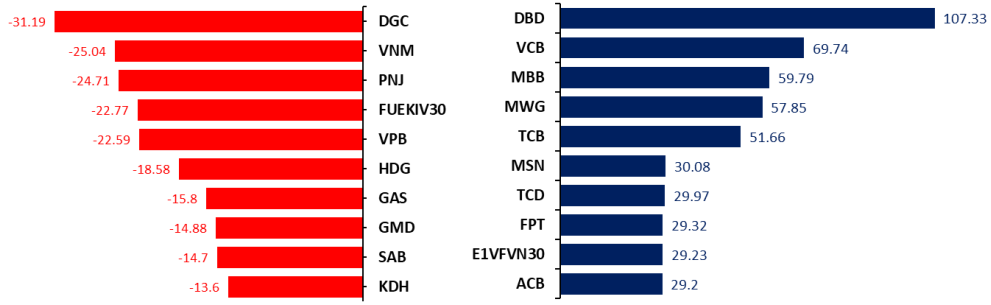
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

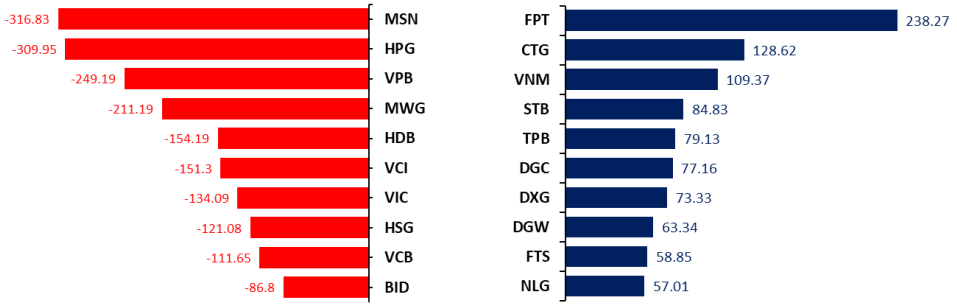
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	6	-8	-23	31
Tài nguyên Cơ bản	-14	-339	423	-83
Truyền thông	0	0	1	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-10	-2	41	-39
Y tế	107	-4	-9	13
Hóa chất	-5	61	-53	-9
Dịch vụ tài chính	3	-165	106	58
Du lịch và Giải trí	14	7	-41	34
Ngân hàng	222	-448	623	-175
Xây dựng và Vật liệu	53	-4	-127	131
Thực phẩm và đồ uống	-12	-190	182	8
Bán lẻ	57	0	-78	79
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-13	-43	60	-16
Hàng cá nhân & Gia dụng	-40	10	58	-67
Công nghệ Thông tin	26	46	-70	23
Ô tô và phụ tùng	-9	24	-8	-16
Bảo hiểm	7	0	-9	9
Dầu khí	2	6	11	-17
Tổng	396	-1,050	1,086	-37

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	DRH	Bất động sản	1.74 - 7.10	1.9	-18.1%
2	SVT	Tài nguyên Cơ bản	9.51 - 14.20	11.2	-17.9%
3	SSB	Ngân hàng	15.05 - 23.94	15.3	-15.3%
4	APG	Dịch vụ tài chính	8.10 - 16.00	9.4	-14.6%
5	NVL	Bất động sản	10.60 - 21.10	11.6	-11.2%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
31.6%	3.7	2.50 - 8.49	Thực phẩm và đồ uống	AGM
21.4%	17.0	8.17 - 17.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	TTE
18.0%	46.7	17.10 - 48.50	Bất động sản	SGR
16.5%	5.9	4.85 - 7.91	Xây dựng và Vật liệu	TCD
12.7%	46.7	13.56 - 23.45	Thực phẩm và đồ uống	BAF

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	NRC	Bất động sản	2.70 - 6.50	2.7	-25.0%
2	VCM	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.20 - 20.20	15.0	-25.0%
3	CMS	Xây dựng và Vật liệu	7.90 - 38.10	8.3	-14.4%
4	KKC	Tài nguyên Cơ bản	5.20 - 8.80	5.8	-13.4%
5	VIF	Tài nguyên Cơ bản	14.40 - 23.90	15.5	-12.9%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
40.9%	42.7	3.30 - 43.50	Thực phẩm và đồ uống	CTP
37.5%	3.3	1.90 - 4.60	Tài nguyên Cơ bản	SPI
36.0%	6.8	3.33 - 8.58	Xây dựng và Vật liệu	PTD
15.4%	3.0	2.30 - 4.00	Tài nguyên Cơ bản	ITQ
13.8%	12.4	10.00 - 27.80	Công nghệ Thông tin	VLA

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	MPT	Hàng cá nhân & Gia dụng	0.40 - 0.90	0.5	-28.6%
2	MTG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5.40 - 16.20	6.8	-26.1%
3	DSG	Xây dựng và Vật liệu	3.40 - 7.40	4.3	-25.9%
4	MRF	Y tế	16.11 - 51.40	19.5	-25.6%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	20.40 - 160.00	32.0	-22.7%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
55.1%	13.8	6.80 - 26.00	Thực phẩm và đồ uống	BSD
51.3%	29.5	18.83 - 33.33	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TRS
30.2%	11.2	7.40 - 14.20	Thực phẩm và đồ uống	EPC
26.4%	11.0	6.00 - 15.70	Tài nguyên Cơ bản	TNB
25.9%	21.9	13.80 - 25.00	Y tế	BIO

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	DBD	Dược - TB Y tế Bình Định	Y tế	10,214.2	912.3	42.9	3.65 - 5.73	7.3
2	PAN	Tập đoàn PAN	Thực phẩm và đồ uống	27,504.5	276.2	23.6	16.95 - 25.70	4.0
3	TCD	ĐT Phát triển CN và Vận tải	Xây dựng và Vật liệu	9,520.8	158.2	5.9	4.85 - 7.91	16.5
4	BMP	Nhựa Bình Minh	Xây dựng và Vật liệu	26,653.3	114.5	111.9	78.00 - 126.00	7.7
5	APG	Chứng khoán APG	Dịch vụ tài chính	1,844.4	105.3	9.4	8.10 - 16.00	-14.6
6	MIG	Bảo hiểm Quân đội	Bảo hiểm	4,665.1	100.8	16.8	15.10 - 24.05	-7.7
7	RAL	Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	Hàng cá nhân & Gia dụng	1,045.1	72.2	138.2	99.80 - 159.40	-2.7
8	SBT	Mía đường Thành Thành Công - Biên Hòa	Thực phẩm và đồ uống	29,182.9	69.2	13.6	10.70 - 16.65	8.4
9	DBC	Tập đoàn DABACO	Thực phẩm và đồ uống	200,603.6	65.7	29.5	14.75 - 32.30	5.6
10	TTA	XD và PT Trường Thành	Xây dựng và Vật liệu	10,338.2	63.1	10.2	7.50 - 11.75	-6.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

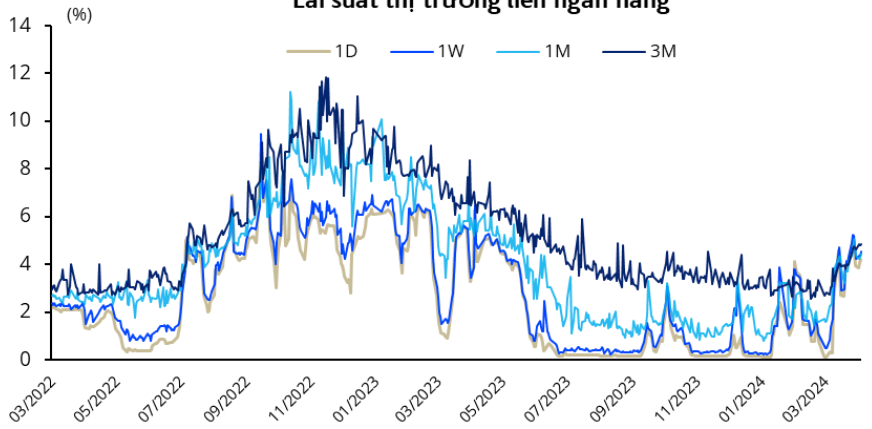
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	100.98	-0.2	-1.5	-4.0	-0.4	
VND/USD	24,564	-0.2	-2.2	-3.5	1.2	
KRW/USD	1,328.85	-0.5	-2.7	-3.3	3.2	
JPY/USD	140.85	-1.0	-4.1	-10.3	-0.1	
EUR/USD	0.90	-0.1	-0.9	-3.2	-0.5	
SGD/USD	1.30	-0.3	-1.4	-3.9	-1.6	
CNY/USD	7.09	-0.1	-0.8	-2.2	-0.1	

Hàng hóa

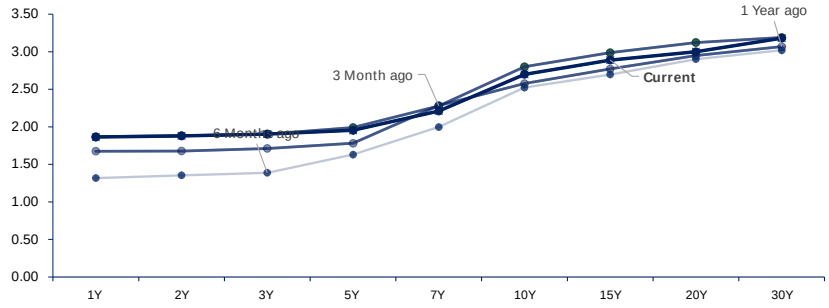
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	69.44	2.6	-11.4	-11.7	-3.1	
Xăng	193.88	2.3	-18.4	-19.7	-7.8	
Gas	2.38	4.6	10.8	-19.6	-5.4	
Than	138.15	-2.0	-5.9	3.9	-5.6	
Vàng	2,566.13	2.8	4.1	11.4	24.4	
Bạc	30.06	7.6	7.9	3.8	26.3	
Platinum	986.13	6.6	4.7	3.5	-0.6	
Quặng sắt	93.06	1.9	-7.6	-12.6	-31.8	
Thép cán	3,168.00	3.5	-4.5	-15.9	-22.3	
Lúa mì	563.00	0.4	4.9	-8.8	-10.4	
Ngô	390.75	1.8	3.4	-14.8	-17.1	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.86	1.88	1.90	1.95	2.21	2.70	2.89	2.99	2.70
Thay đổi (WoW)	0.00	0.00	0.00	-0.40	-1.70	-1.60	-1.40	-1.70	0.00

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co,. Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.